

Tên:

Lớp: S3

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

Week: 6

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Nghe HW:



UNIT 2: FAMILIES - VOCABULARY & SPEAKING PRACTICE

A. THEORY

I. VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/oXjsKkPMp49lpsaPx0>



- Family members

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	grandfather (n)	ông		5	aunt (n)	cô / dì	
2	grandmother (n)	bà		6	uncle (n)	chú / cậu / bác	
3	granddaughter (n)	cháu gái của ông bà		7	cousin (n)	anh/chi/em họ	
4	grandson (n)	cháu trai của ông bà					

- Days of the week

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	Monday (n)	thứ Hai		5	Friday (n)	thứ Sáu	
2	Tuesday (n)	thứ Ba		6	Saturday (n)	thứ Bảy	
3	Wednesday (n)	thứ Tư		7	Sunday (n)	Chủ nhật	
4	Thursday (n)	thứ Năm					

**Note: n = noun: danh từ.*

B. CLASSWORK

SPEAKING PRACTICE

A Birthday in My Family



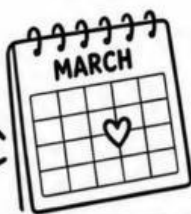
A Birthday in My Family



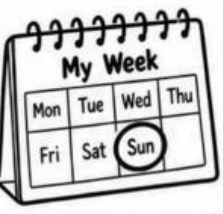
1 Who is it?

Structure	Example
It is my [...]. 	It is my grandfather.

2 When is his/her birthday?

Structure	Example
It is in [...]. 	It is in March.

3 What day is the birthday party?

Structure	Example
It is on [...]. 	It is on Sunday.

4 What does he/she have?

Structure	Example
He/She has a [...]. 	He has a birthday cake.

5 Is he/she happy?

Structure	Example
Yes, he/she is. 	Yes, he is.

Linking words

- First,
- Next,
- Then,
- Finally,

★ Sample answer

First, it is my grandfather.
His birthday is in March.
The party is on Sunday.
Finally, he has a birthday cake.



C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục I. VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Fill in the blank with the correct word. (Điền từ thích hợp vào chỗ trống.)

0. My father (h e r t a) wears a hat.



1. My g_____ (d h e r n f a t r a) is telling a story.



2. My g_____ (n m o r e d t h a r) makes a cake.



3. Mr. Tom plays with his g_____ (n s d o r a n).



4. Mrs. Holly goes shopping with her g_____ (d a h u r g a t n e r d).



5. My a_____ (n t u) is a vet.



6. My u_____ (l e n c) and I like skateboarding.

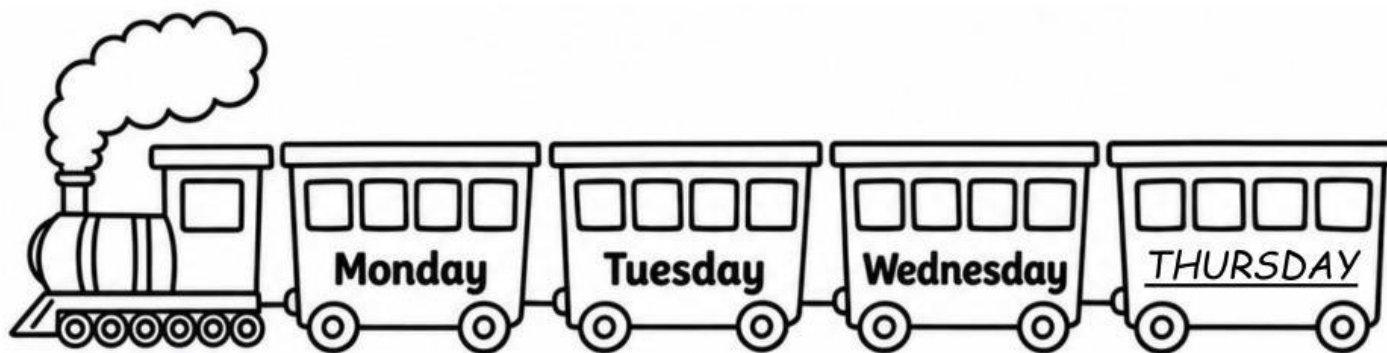


7. My c_____ (n o u s i) and I are playing games.



III. Write the day that comes next. (Hãy điền thứ tiếp theo trong tuần.)

WHAT DAY COMES NEXT?



IV. Rearrange the words to make correct sentences. (Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu hoàn chỉnh.)

0. Tom / yesterday / at the park / was / ?

→ Was Tom at the park yesterday?

1. at the zoo / two days ago / We / were

→ _____

2. were / Where / you / yesterday / ?

→ _____

3. tired / last night / were / The boys

→ _____

4. was / When / your birthday party

→ _____

5. sunny / yesterday / the weather / was

→ _____

MOVERS LISTENING PRACTICE PART 3 (5 questions)

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

<https://on.soundcloud.com/JYvyLdO7FXBp6Rn1jE>



Sally is telling Mr Castle about the people in her family and their jobs. What work do these people do? Listen and write a letter in each box. There is one example.

Listen and write a letter in each box. There is one example.



her dad

A



her mum



her sister



her uncle



her aunt



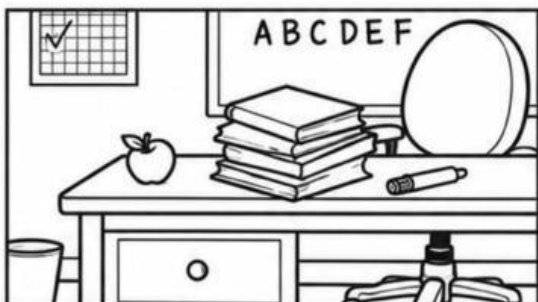
her grandpa



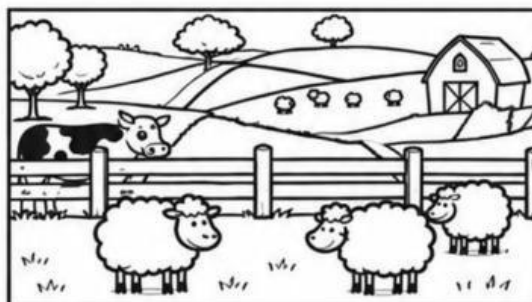
A



B



C



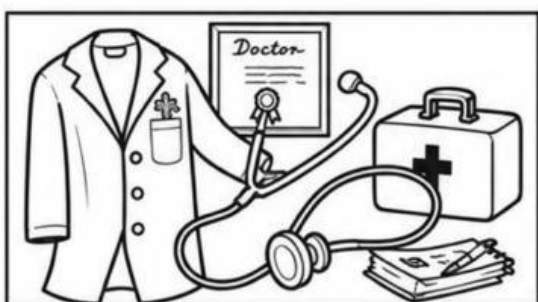
D



E



F



G



H